TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **159**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 27 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 , 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 110/2023/TLST/ HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc: " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Ngọc Cát M, sinh năm 1992; địa chỉ: 132 đường T, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Cao Nguyễn Anh T, sinh năm: 1991; địa chỉ: 5/155 dường T, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc Cát M và chị Cao Nguyễn Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 20/12/2018 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, anh M và chị T chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, hay cãi vã gây gổ nhau làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, anh M và chị T đã sống ly thân được 03 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên anh M, chị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh M và chị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Thị Cát T, sinh ngày 16/4/2019, hiện đang ở với chị T. Hai bên thỏa thuận giao cháu Lê Thị Cát T cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu Tiên đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Ngọc Cát M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kết từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Ngọc Cát M và chị Cao Nguyễn Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Ngọc Cát M và chị Cao Nguyễn Anh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh M, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005570 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Lê Ngọc Cát M và chị Cao Nguyễn Anh T đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 17 tháng 3 năm 2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc Cát M và chị Cao Nguyễn Anh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Lê Thị Cát T, sinh ngày 16/4/2019 cho chị Cao Nguyễn Anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Ngọc Cát M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Ngọc Cát M và chị Cao Nguyễn Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Ngọc Cát M và chị Cao Nguyễn Anh T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh M, chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005570 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Lê Ngọc Cát M và chị Cao Nguyễn Anh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự,được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND TP Huế;
- UBND phường A, TP Huế;
(**ĐKKH số 115 ngày 20/12/2018**)
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế